

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 37

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3900309621 ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là TAY NINH CABLE CAR TOUR COMPANY

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Mã cổ phiếu: TCT

Trụ sở chính: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
	Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch
	Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
	Ông Trần Anh Minh	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc
	Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Trung Kiên**  
**Giám đốc**

Tây Ninh, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Số: 597/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh, được lập ngày 07 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được kiểm toán viên khác soát xét; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo soát xét giữa niên độ vào ngày 08 tháng 08 năm 2016 có dạng \*ý kiến thấy có vấn đề về giá trị đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Vấn đề nhấn mạnh:*

Tại ngày 30/06/2017, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khách sạn Hoà Bình Tây Ninh nên vấn đề nêu trên đoạn tại Báo cáo soát xét của kiểm toán viên khác không còn ảnh hưởng đến báo cáo soát xét này.



Nguyễn Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
*Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>186.988.917.718</b>	<b>143.158.785.525</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>7.148.677.626</b>	<b>7.278.885.154</b>
1. Tiền	111		7.148.677.626	7.278.885.154
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>156.850.000.000</b>	<b>122.208.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		156.850.000.000	122.208.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.830.090.189</b>	<b>5.875.296.406</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.012.524.000	436.318.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.708.392.500	2.438.091.400
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.109.173.689	3.000.887.006
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.423.877.195</b>	<b>4.392.121.084</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	3.521.269.829	4.503.352.833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(97.392.634)	(111.231.749)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.736.272.708</b>	<b>3.404.482.881</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.786.546.371	3.146.235.191
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		331.821.204	126.802.672
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	617.905.133	131.445.018
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>103.692.343.436</b>	<b>110.206.932.684</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>91.878.414.499</b>	<b>100.392.822.649</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	91.878.414.499	100.392.822.649
- Nguyên giá	222		232.089.563.699	230.880.615.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.211.149.200)	(130.487.792.781)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.289.214.773</b>	<b>6.484.921.500</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	8.289.214.773	6.484.921.500
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.8</b>	-	<b>706.285.751</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.843.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.136.714.249)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.524.714.164</b>	<b>2.622.902.784</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.466.436.965	2.564.625.585
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		58.277.199	58.277.199
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>290.681.261.154</b>	<b>253.365.718.209</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>22.790.482.098</b>	<b>9.712.596.378</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.790.482.098</b>	<b>9.712.596.378</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.742.484.420	1.033.723.740
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	9.098.618.435	276.834.547
4. Phải trả người lao động	314		8.540.681.077	6.493.086.673
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	233.060.294	291.385.996
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	214.681.817	19.651.271
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	877.983.607	101.423.010
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.082.972.448	1.496.491.141
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>267.890.779.056</b>	<b>243.653.121.831</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>267.890.779.056</b>	<b>243.653.121.831</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		127.880.000.000	127.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		127.880.000.000	127.880.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		77.852.238.928	72.599.977.619
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.158.540.128	43.173.144.212
- LNST chưa phân phối kì này	421b		62.158.540.128	43.173.144.212
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (430 = 300+400)	<b>440</b>		<b>290.681.261.154</b>	<b>253.365.718.209</b>

Tây Ninh, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Lâm Thị Ngọc Châu*

*Trần Thị Song Giang*



Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Mẫu B 02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	120.362.184.538	109.347.360.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	120.362.184.538	109.347.360.495
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	13.926.703.535	15.037.271.658
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>106.435.481.003</b>	<b>94.310.088.837</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	4.910.179.646	3.758.216.868
7. Chi phí tài chính	22	5.19	(417.944.249)	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	18.964.532.719	11.393.903.318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	10.392.246.878	4.564.621.713
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>82.406.825.301</b>	<b>82.109.780.674</b>
11. Thu nhập khác	31	5.21	189.065.422	124.674.787
12. Chi phí khác	32	5.21	1.500.000	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>187.565.422</b>	<b>124.674.787</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>82.594.390.723</b>	<b>82.234.455.461</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	16.562.426.145	16.498.470.164
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(14.303.070)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>66.031.964.578</b>	<b>65.750.288.367</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	4.875	4.929
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.23	4.875	4.929

Tây Ninh, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Lâm Thị Ngọc Châu*

*Trần Thị Song Giang*



Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Mẫu B 03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82.594.390.723	82.234.455.461
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	9.722.942.949	9.557.529.652
- Các khoản dự phòng	03	(1.150.553.364)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	5.627.449.646	(3.758.216.868)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	96.794.229.954	88.033.768.245
- Biến động các khoản phải thu	09	(15.050.144.095)	(578.867.293)
- Biến động hàng tồn kho	10	982.083.004	(680.132.762)
- Biến động các khoản phải trả	11	3.070.947.760	(5.796.145.561)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	567.481.985	(428.883.580)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.689.912.972)	(8.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	152.500	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.207.771.876)	(3.770.572.904)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>73.467.066.260</b>	<b>68.779.166.145</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.122.846.087)	(1.952.367.589)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(226.900.000.000)	(175.245.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	192.258.000.000	117.195.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.124.230.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(1.506.307.981)	2.530.104.787
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(38.145.424.068)</b>	<b>(57.472.262.802)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.451.849.720)	(12.788.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(35.451.849.720)</b>	<b>(12.788.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(130.207.528)</b>	<b>(1.481.096.657)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>7.278.885.154</b>	<b>6.644.760.935</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>7.148.677.626</b>	<b>5.163.664.278</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tây Ninh, ngày 07 tháng 08 năm 2017

*Lâm Thị Ngọc Châu*

*Trần Thị Song Giang*



Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3900309621 ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là TAY NINH CABLE CAR TOUR COMPANY.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Mã cổ phiếu: TCT

Trụ sở chính: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, Việt Nam.

#### Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	6.522.080	65.220.000.000	51,00%
Công ty Bảo Việt Nhân thọ Tây Ninh	1.200.000	12.000.000.000	9,38%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	845.960	8.459.600.000	6,62%
Các cổ đông khác	4.219.960	42.199.000.000	33,00%
<b>Tổng</b>	<b>12.788.000</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>100%</b>

Số lao động tại ngày 30/6/2017: 143 người (tại ngày 31/12/2016: 138 người).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt; hoạt động quảng cáo; kinh doanh bia và các dịch vụ khác có liên quan.

#### 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

#### 1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5,3% đến 6,6% tại các Ngân hàng Thương mại để thu lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/6/2017

	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC, ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn Chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã cung cấp và tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là khu vực phía Nam và khu vực phía Bắc. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	299.600.000,	204.132.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.849.077.626	7.074.753.154
<b>Tổng</b>	<b>7.148.677.626</b>	<b>7.278.885.154</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>156.850.000.000</b>	<b>156.850.000.000</b>	<b>122.208.000.000</b>	<b>122.208.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	15.200.000.000	15.200.000.000	25.400.000.000	25.400.000.000
Ngân hàng Công thương Tây Ninh	14.200.000.000	14.200.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	14.800.000.000	14.800.000.000	21.200.000.000	21.200.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Tây Ninh	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	18.900.000.000	18.900.000.000	5.900.000.000	5.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
-CN Tây Ninh	14.000.000.000	14.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội Tây Ninh	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT-CNKV Tân Hưng Tây Ninh	14.500.000.000	14.500.000.000	15.458.000.000	15.458.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	650.000.000	650.000.000	650.000.000	650.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu -CNTây Ninh	18.400.000.000	18.400.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt -CN Tây Ninh	17.900.000.000	17.900.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt Tây Ninh	16.700.000.000	16.700.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>156.850.000.000</b>	<b>156.850.000.000</b>	<b>122.208.000.000</b>	<b>122.208.000.000</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất hiện tại từ 5,3%/năm đến 6,6%/năm.

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.012.524.000</b>	<b>436.318.000</b>
Công ty CP Du Lịch Thương Mại Tây Ninh	328.704.000	436.318.000
Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	2.669.890.000	-
Các đối tượng còn lại	13.930.000	-
<b>b) Trong đó số dư các bên liên quan</b>	<b>2.998.594.000</b>	<b>436.318.000</b>
Công ty CP Du Lịch Thương Mại Tây Ninh	328.704.000	436.318.000
Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	2.669.890.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.012.524.000</b>	<b>436.318.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.4 Phải thu khác**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.109.173.689</b>	-	<b>3.000.887.006</b>	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.422.721.665	-	2.428.578.808	-
Tiền thuế TNCN phải thu	56.000.000	-	169.738.231	-
Phải thu CBCNV tiền các loại Bảo hiểm	183.418.024	-	-	-
Ông Võ Phước Hồng - tiền thưởng năm 2015	-	-	40.200.000	-
Tạm ứng	447.034.000	-	362.369.967	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>4.109.173.689</b>	-	<b>3.000.887.006</b>	-

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.521.269.829	97.392.634	4.503.352.833	111.231.749
<b>Tổng</b>	<b>3.521.269.829</b>	<b>97.392.634</b>	<b>4.503.352.833</b>	<b>111.231.749</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2017	61.752.909.960	157.338.532.251	4.308.785.339	5.745.660.311	1.734.727.569	230.880.615.430
Tăng trong kỳ	412.872.509	-	-	796.075.760	-	1.208.948.269
Mua trong kỳ	223.274.000	-	-	558.814.400	-	782.088.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	67.237.273	-	-	237.261.360	-	304.498.633
Tăng khác	122.361.236	-	-	-	-	122.361.236
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	<u>62.165.782.469</u>	<u>157.338.532.251</u>	<u>4.308.785.339</u>	<u>6.541.736.071</u>	<u>1.734.727.569</u>	<u>232.089.563.699</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2017	31.786.954.564	93.092.592.133	1.922.890.685	2.803.835.996	881.519.403	130.487.792.781
Tăng trong kỳ	2.665.408.648	6.267.319.572	306.346.182	350.579.169	133.702.848	9.723.356.419
Khấu hao trong kỳ	2.665.408.648	6.267.319.572	306.346.182	350.579.169	133.702.848	9.723.356.419
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	<u>34.452.363.212</u>	<u>99.359.911.705</u>	<u>2.229.236.867</u>	<u>3.154.415.165</u>	<u>1.015.222.251</u>	<u>140.211.149.200</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	<u>29.965.955.396</u>	<u>64.245.940.118</u>	<u>2.385.894.654</u>	<u>2.941.824.315</u>	<u>853.208.166</u>	<u>100.392.822.649</u>
Tại ngày 30/06/2017	<u>27.713.419.257</u>	<u>57.978.620.546</u>	<u>2.079.548.472</u>	<u>3.387.320.906</u>	<u>719.505.318</u>	<u>91.878.414.499</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2017 là: 58.574.456.396 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 58.574.456.396 đồng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi mua sắm	-	-
<b>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>8.289.214.773</b>	<b>6.484.921.500</b>
Công trình văn phòng Công ty	6.724.456.364	4.940.032.728
Dự án cáp treo lên đỉnh	305.959.816	305.959.816
Công trình khu văn phòng làm việc	400.782.601	399.776.601
Công trình nâng cấp hệ thống máng trượt	858.015.992	710.458.719
Công trình nước sinh hoạt	-	128.693.636
c) Chi sửa chữa	-	-
<b>Tổng</b>	<b>8.289.214.773</b>	<b>6.484.921.500</b>

**5.8 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với 184.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,51% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty đã ủy quyền cho Công ty mẹ – Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh bán toàn bộ số cổ phần đang sở hữu tại công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh. Căn cứ vào Thông báo số 02/2016/BTCĐG về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh, công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh sẽ chuyển giao các cổ phần bán được cho các cá nhân, tổ chức từ ngày 16/12/2016 đến ngày 29/12/2016. Các cá nhân, tổ chức đấu giá thành công, đã xin gia hạn nộp tiền đến ngày 31/03/2017 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp thuận theo quyết định số 3739/UBND-KTTC ngày 29/12/2016. Đến thời điểm lập Báo cáo này đã hoàn tất thủ tục theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 38/HĐCT ngày 30/06/2017. Giá trị công ty thu về là 1.124.230.000 đồng, lỗ so với giá trị ghi sổ là 718.770.000 đồng.

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.786.546.371</b>	<b>3.146.235.191</b>
Chi phí in vé dịch vụ sử dụng	224.143.524	422.849.844
Chi phí vật tư trang trí, sửa chữa	351.785.529	642.952.604
Chi phí in lịch	24.500.000	49.000.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	578.387.610	1.950.932.742
Chi phí đồng phục phục vụ	336.161.334	-
Tiền thuê đất	236.091.101	-
Các chi phí khác	35.477.273	80.500.001
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.466.436.965</b>	<b>2.564.625.585</b>
Tiền thuê đất đặt quảng cáo	66.258.322	36.683.324
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.199.482.782	636.020.387
Chi phí sửa chữa	408.855.764	165.486.039
Chi phí chẻ đá và khắc chữ ga hạ giáp	67.500.000	90.000.000
Chi phí gia công lắp đặt hệ thống chống sét	149.131.811	178.958.177
Chi phí thay cáp tuyến cáp treo	1.180.754.245	1.453.235.995
Chi phí thi công sân vườn	383.531.311	-
Chi phí khác	10.922.730	4.241.663
<b>Tổng</b>	<b>5.252.983.336</b>	<b>5.710.860.776</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.10 Phải trả người bán**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.742.484.420</b>	<b>1.742.484.420</b>	<b>1.033.723.740</b>	<b>1.033.723.740</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường và Xây Dựng Saigon	-	-	217.080.240	217.080.240
Công ty TNHH Tân Ngọc Lục	369.845.100	369.845.100	-	-
Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	1.014.880.000	1.014.880.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ Thông Minh Toàn cầu	-	-	199.531.500	199.531.500
Công ty Cổ phần Du lịch Thương Mại Tây Ninh	287.200.000	287.200.000	444.325.000	444.325.000
Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh	-	-	125.037.000	125.037.000
Các đối tượng còn lại	70.559.320	70.559.320	47.750.000	47.750.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.742.484.420</b>	<b>1.742.484.420</b>	<b>1.033.723.740</b>	<b>1.033.723.740</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà Nước**

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã nộp trong kỳ (VND)	Biến động khác (VND)	30/06/2017 (VND)	
<b>Phải nộp</b>	-	<b>276.834.547</b>	<b>27.998.070.279</b>	<b>19.652.296.770</b>	<b>732.900.415</b>	<b>9.098.618.435</b>
Thuế GTGT	-	10.566.440.852	11.170.896.249	604.455.397	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.562.426.145	7.689.912.972	128.445.018	8.744.068.155	-
Thuế thu nhập cá nhân	276.834.547	397.021.080	319.305.347	-	354.550.280	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	472.182.202	472.182.202	-	-	-
<b>Phải thu</b>	<b>131.445.018</b>	<b>36.282.397</b>	<b>46.732.133</b>	<b>732.900.415</b>	<b>617.905.133</b>	<b>617.905.133</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	13.449.736	-	13.449.736	-
Thuế GTGT nộp thừa	-	-	-	604.455.397	604.455.397	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	128.445.018	-	-	128.445.018	-	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	3.000.000	36.282.397	33.282.397	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.12 Chi phí phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>233.060.294</b>	<b>291.385.996</b>
Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh	205.560.294	279.400.996
Chi phí sửa chữa xe điện	-	11.985.000
Chi phí kiểm toán BCTC 6 tháng đầu năm 2017	27.500.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>233.060.294</b>	<b>291.385.996</b>

**5.13 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>214.681.817</b>	<b>19.651.271</b>
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (doanh thu quảng cáo - cho thuê kiốt)	68.181.818	19.651.271
Doanh thu cho thuê vườn cây	18.545.455	-
Doanh thu quảng cáo trên cabin	104.545.453	-
Doanh thu quảng cáo trên nhà chờ	18.181.818	-
Doanh thu quảng cáo trên panel	5.227.273	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>214.681.817</b>	<b>19.651.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.14 Phải trả khác**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	27.143.343	-
Bảo hiểm xã hội	452.718.634	-
Bảo hiểm y tế	78.607.704	-
Bảo hiểm thất nghiệp	34.936.756	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	284.577.170	91.423.010
<b>Tổng</b>	<b>877.983.607</b>	<b>101.423.010</b>

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Kim Sơn	106.184.000	48.453.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông Minh Toàn cầu	14.252.250	-
Công ty TNHH MTV SX-TM-DVXNK Tài Lộc Đức	3.698.050	-
Công ty CP XD-TM và DV Tân Trường Thịnh	13.012.500	13.012.500
Công ty TNHH Quảng cáo trẻ V&T	69.647.030	20.643.810
Công ty TNHH MTV Nam Trạng	51.500.000	-
Cửa Hàng Vi Tính Đồng Đăng	2.952.500	-
Công ty TNHH Tân Ngọc Lực	23.330.840	-
Công ty TNHH DV-KT Ngân Anh	-	9.313.700
<b>Tổng</b>	<b>284.577.170</b>	<b>91.423.010</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.15 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	127.880.000.000	51.686.464.604	34.865.513.015	214.431.977.619
Tăng trong năm	-	20.913.513.015	69.152.640.880	90.066.153.895
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	69.152.640.880	69.152.640.880
Phân phối lợi nhuận năm năm 2015	-	20.913.513.015	-	20.913.513.015
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	60.845.009.683	60.845.009.683
Chia cổ tức năm 2015	-	-	12.788.000.000	12.788.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2016 (*)	-	-	21.739.600.000	21.739.600.000
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015	-	-	20.913.513.015	20.913.513.015
Thường HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015	-	-	1.164.000.000	1.164.000.000
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6 tháng đầu năm 2016 (*)	-	-	3.734.896.668	3.734.896.668
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016 (*)	-	-	505.000.000	505.000.000
Số dư tại 31/12/2016	127.880.000.000	72.599.977.619	43.173.144.212	243.653.121.831
Số dư tại 01/01/2017	127.880.000.000	72.599.977.619	43.173.144.212	243.653.121.831
Tăng trong kỳ	-	5.252.261.309	66.031.964.578	71.284.225.887
Lãi kinh doanh trong kỳ	-	-	66.031.964.578	66.031.964.578
Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	5.252.261.309	-	5.252.261.309
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	47.046.568.662	47.046.568.662
Chia cổ tức năm 2016 (*)	-	-	35.806.400.000	35.806.400.000
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2016 (*)	-	-	5.252.261.309	5.252.261.309
Thường HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016 (*)	-	-	416.073.658	416.073.658
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi còn lại năm 2016 (*)	-	-	1.698.409.245	1.698.409.245
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2017	-	-	177.400.000	177.400.000
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6 tháng đầu năm 2017	-	-	3.696.024.450	3.696.024.450
Số dư tại 30/06/2017	127.880.000.000	77.852.238.928	62.158.540.128	267.890.779.056

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017. Theo đó, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền là 5.433.305.913 đồng (đã tạm ứng năm 2016 số tiền là 3.734.896.668 đồng); Thưởng HĐQT, thư ký, ban kiểm soát số tiền 416.093.658 đồng; Thù lao HĐQT, ban kiểm soát số tiền là 505.000.000 đồng (đã tạm ứng năm 2016); Trích quỹ đầu tư phát triển số tiền là 5.252.251.309 đồng; Chia cổ tức 45% trên vốn điều lệ, tương ứng số tiền là 57.546.000.000 đồng (đã tạm ứng năm 2016 số tiền 21.739.600.000 đồng).

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch -Thương mại Tây Ninh	65.220.800.000	65.220.800.000
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tây Ninh	12.000.000.000	12.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	8.459.600.000	8.459.600.000
Các cổ đông khác	42.199.600.000	42.199.600.000
<b>Tổng</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>127.880.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	127.880.000.000	127.880.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	127.880.000.000	127.880.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	57.546.000.000	12.788.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	12.788.000	12.788.000
Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.16 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	120.038.449.529	106.602.911.787
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	140.133.837	97.443.690
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.221.138.980
Doanh thu dịch vụ khác	183.601.172	425.866.038
<b>Tổng</b>	<b>120.362.184.538</b>	<b>109.347.360.495</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	13.889.208.024	12.444.935.580
Giá vốn dịch vụ quảng cáo	16.230.527	11.375.678
Giá vốn bán hàng hóa	-	2.218.747.320
Giá vốn dịch vụ khác	21.264.984	362.213.080
<b>Tổng</b>	<b>13.926.703.535</b>	<b>15.037.271.658</b>

**5.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.910.179.646	3.758.216.868
<b>Tổng</b>	<b>4.910.179.646</b>	<b>3.758.216.868</b>

**5.19 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(417.944.249)	-
<b>Tổng</b>	<b>(417.944.249)</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10.392.246.878</b>	<b>4.564.621.713</b>
Chi phí lương cán bộ nhân viên	4.690.000.000	2.313.969.853
Phụ cấp tiền công ngoài giờ	-	461.337.500
Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ	1.372.545.132	-
Chi phí quản lý khác	4.329.701.746	1.789.314.360
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>18.964.532.719</b>	<b>11.393.903.318</b>
Chi phí lương cán bộ nhân viên	8.710.000.000	4.297.372.583
Phụ cấp tiền công ngoài giờ	-	1.139.460.000
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	-	1.072.409.394
Chi phí hội xuân	2.173.846.182	-
Chi phí bán hàng khác	8.080.686.537	4.884.661.341

**5.21 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.500.000	-
Các khoản khác	187.565.422	124.674.787
<b>Tổng</b>	<b>189.065.422</b>	<b>124.674.787</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	1.500.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.500.000</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>187.565.422</b>	<b>124.674.787</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>82.594.390.723</b>	<b>82.234.455.461</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Chênh lệch chi phí tiền ăn giữa ca</i>	<i>217.740.000</i>	<i>339.541.979</i>
<i>Chi phí chốt danh sách chia cổ tức</i>	<i>138.720.000</i>	<i>178.215.345</i>
<i>Chi phí diễn tập cứu nạn, cứu hộ</i>	<i>10.000.000</i>	-
<i>Chi phí diễn tập cứu nạn, cứu hộ</i>	<i>69.020.000</i>	<i>161.326.634</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Chi phí phải trả năm trước</i>	<i>-</i>	<i>81.646.622</i>
<i>Doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	<i>-</i>	<i>66.555.713</i>
<i>Doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	<i>-</i>	<i>15.090.909</i>
<b>2. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>82.812.130.723</b>	<b>82.492.350.818</b>
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>3. Thu nhập tính thuế</b>	<b>82.812.130.723</b>	<b>82.492.350.818</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.562.426.145</b>	<b>16.498.470.164</b>

**5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.031.964.578	65.750.288.367
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.031.964.578	65.750.288.367
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.788.000	12.788.000
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.696.024.450	2.716.652.957
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.875</b>	<b>4.929</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.875</b>	<b>4.929</b>

(\* Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng năm 2016 có sự thay đổi do xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28 tháng 04 năm 2017 có sự khác biệt số tiền là 1.063.817.348 đồng.

**5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.977.263.136	3.896.868.038
Chi phí nhân công	19.227.776.205	10.553.735.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.723.356.419	9.799.045.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.120.616.357	2.158.690.386
Chi phí khác bằng tiền	9.991.162.103	4.587.457.258
<b>Tổng</b>	<b>43.040.174.220</b>	<b>30.995.796.689</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*A. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Tổng thu nhập Ban Giám đốc	903.009.591	522.963.756
	Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	303.400.000	265.000.000
	Các khoản thưởng	1.372.747.000	1.164.000.000
<b>Tổng</b>		<b>2.579.156.591</b>	<b>1.951.963.756</b>

*B. Giao dịch với các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</u>
<b>Giao dịch mua</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	Mua hàng	3.863.636	2.786.436.364
Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh	Công ty có cùng công ty mẹ	Mua hàng	941.370.908	23.905.455
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Công ty liên kết của công ty mẹ	Mua hàng	-	38.905.455
<b>Tổng</b>			<b>945.234.544</b>	<b>2.849.247.274</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</u>
<b>Giao dịch bán</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch -Thương mại Tây Ninh		Bán hàng	1.961.453.818	3.224.919.734
Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh		Bán hàng	2.427.172.727	1.139.896.695
<b>Tổng</b>			<b>4.388.626.545</b>	<b>4.364.816.429</b>
<b>Giao dịch khác</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch -Thương mại Tây Ninh		Cổ tức đã trả	18.261.824.000	6.522.080.000
<b>Tổng</b>			<b>18.261.824.000</b>	<b>6.522.080.000</b>

**C. Số dư phải thu và phải thu khác với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Khoản mục</u>	<u>30/06/2017 VND</u>	<u>01/01/2017 VND</u>
Công ty Cổ phần Du lịch -Thương mại Tây Ninh	Phải thu khách hàng	328.704.000	436.318.000
Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh	Phải thu khách hàng	2.669.890.000	-
<b>Tổng</b>		<b>2.998.594.000</b>	<b>436.318.000</b>

**D. Số dư phải trả và phải trả khác với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Khoản mục</u>	<u>30/06/2017 VND</u>	<u>01/01/2017 VND</u>
Công ty Cổ phần Du lịch -Thương mại Tây Ninh	Phải trả người bán	287.200.000	444.325.000
Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh	Phải trả người bán	1.014.880.000	-
<b>Tổng</b>		<b>1.302.080.000</b>	<b>444.325.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Hoạt động vận chuyển, hoạt động quảng cáo, hoạt động kinh doanh bia và hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động Quảng cáo	Hoạt động kinh doanh bia	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	100.392.822.649	-	-	-	100.392.822.649
Xây dựng cơ bản dở dang	6.484.921.500	-	-	-	6.484.921.500
Các khoản phải thu	5.875.296.406	-	-	-	5.875.296.406
Hàng tồn kho	4.392.121.084	-	-	-	4.392.121.084
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	136.220.556.570
<b>Tổng tài sản</b>					<b>253.365.718.209</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	9.712.596.378	-	-	-	9.712.596.378
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>9.712.596.378</b>

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động Quảng cáo	Hoạt động kinh doanh bia	Hoạt động khác	Tổng
Tổng doanh thu	106.602.911.787	97.443.690	2.221.138.980	425.866.038	109.347.360.495
Chi phí bộ phận	28.002.926.449	25.596.941	2.542.907.884	424.365.415	30.995.796.689
Kết quả kinh doanh bộ phận	78.599.985.338	71.846.749	(321.768.904)	1.500.623	78.351.563.806
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	78.351.563.806
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	3.758.216.868
Thu nhập khác	-	-	-	-	124.674.787
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	82.234.455.461
Thuế thu nhập doanh nghiệp và hoãn lại	-	-	-	-	(16.484.167.094)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>					<b>65.750.288.367</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

*Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động Quảng cáo	Hoạt động kinh doanh bia	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	91.878.414.499	-	-	-	91.878.414.499
Xây dựng cơ bản dở dang	8.289.214.773	-	-	-	8.289.214.773
Các khoản phải thu	16.830.090.189	-	-	-	16.830.090.189
Hàng tồn kho	3.423.877.195	-	-	-	3.423.877.195
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	170.259.664.498
<b>Tổng tài sản</b>					<b>290.681.261.154</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	22.790.482.098	-	-	-	22.790.482.098
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>22.790.482.098</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017**

	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động Quảng cáo	Hoạt động kinh doanh bia	Hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>					
Tổng doanh thu	120.038.449.529	140.133.837	-	183.601.172	120.362.184.538
Chi phí bộ phận	42.750.207.346	49.923.086	-	65.408.451	42.865.538.883
Kết quả kinh doanh bộ phận	77.288.242.183	90.210.751	-	118.192.721	77.496.645.655
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	77.496.645.655
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	4.910.179.646
Thu nhập khác	-	-	-	-	187.565.422
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	82.594.390.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(16.562.426.145)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>					<b>66.031.964.578</b>



**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.148.677.626	7.278.885.154
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.674.663.689	3.074.835.039
Đầu tư tài chính ngắn hạn	156.850.000.000	122.208.000.000
<b>Tổng</b>	<b>170.673.341.315</b>	<b>132.561.720.193</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.620.468.027	1.135.146.750
Chi phí phải trả	233.060.294	291.385.996
<b>Tổng</b>	<b>2.853.528.321</b>	<b>1.426.532.746</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.



**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

N:  
CÔ  
T  
T  
V  
H

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	2.620.468.027	-	2.620.468.027
Chi phí phải trả	233.060.294	-	233.060.294
<b>Tổng</b>	<b>2.853.528.321</b>	<b>-</b>	<b>2.853.528.321</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.135.146.750	-	1.135.146.750
Chi phí phải trả	291.385.996	-	291.385.996
<b>Tổng</b>	<b>1.426.532.746</b>	<b>-</b>	<b>1.426.532.746</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.148.677.626	-	7.148.677.626
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.674.663.689	-	6.674.663.689
Đầu tư tài chính ngắn hạn	156.850.000.000	-	156.850.000.000
<b>Tổng</b>	<b>170.673.341.315</b>	<b>-</b>	<b>170.673.341.315</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.278.885.154	-	7.278.885.154
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.074.835.039	-	3.074.835.039
Đầu tư tài chính ngắn hạn	122.208.000.000	-	122.208.000.000
<b>Tổng</b>	<b>132.561.720.193</b>	<b>-</b>	<b>132.561.720.193</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.4 Cam kết hoạt động**

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 02 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 06 năm 2007, cụ thể:

+ Diện tích đất 19.093,8 m<sup>2</sup> tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786.875 VND/m<sup>2</sup>/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m<sup>2</sup>/năm;

+ Diện tích đất 266.041,1 m<sup>2</sup> tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m<sup>2</sup>/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 782,03125 VND/m<sup>2</sup>/năm;

Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 08 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m<sup>2</sup> đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê là 50 năm từ ngày 31 tháng 03 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m<sup>2</sup>/năm;

**6.5 Một số chỉ tiêu tài chính****Một số chỉ tiêu liên quan trên Bảng cân đối kế toán:**

Stt	Chi tiêu	Đơn vị tính	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>1</b>	<b>Bổ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
1.1	Bổ trí cơ cấu tài sản			
1.1.1	Tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản	%	64,33%	56,50%
	- Tổng tài sản ngắn hạn		186.988.917.718	143.158.785.525
	- Tổng tài sản		290.681.261.154	253.365.718.209
1.1.2	Tài sản dài hạn trên tổng tài sản	%	35,67%	43,50%
	- Tổng tài sản dài hạn		103.692.343.436	110.206.932.684
	- Tổng tài sản		290.681.261.154	253.365.718.209
1.2	Bổ trí cơ cấu nguồn vốn			
1.2.1	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	7,84%	3,83%
	- Tổng nợ phải trả		22.790.482.098	9.712.596.378
	- Tổng nguồn vốn		290.681.261.154	253.365.718.209
1.2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	92,16%	96,17%
	- Tổng vốn chủ sở hữu		267.890.779.056	243.653.121.831
	- Tổng nguồn vốn		290.681.261.154	253.365.718.209
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
2.1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	12,75	26,09
	- Tổng tài sản		290.681.261.154	253.365.718.209
	- Tổng nợ phải trả		22.790.482.098	9.712.596.378
2.2	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	8,20	14,74
	- Tổng tài sản ngắn hạn		186.988.917.718	143.158.785.525
	- Tổng nợ phải trả ngắn hạn		22.790.482.098	9.712.596.378
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,31	0,75
	- Tiền và các khoản tương đương tiền		7.148.677.626	7.278.885.154
	- Tổng nợ phải trả ngắn hạn		22.790.482.098	9.712.596.378

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

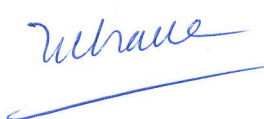
**6.5 Một số chỉ tiêu tài chính (Tiếp theo)****Một số chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh**

Stt	Chi tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
3	Tỷ suất sinh lời			
3.1	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Doanh thu	%	65,83%	72,63%
	+ Lợi nhuận trước thuế		82.594.390.723	82.234.455.461
	+ Tổng doanh thu		125.461.429.606	113.230.252.150
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu	%	52,63%	58,07%
	+ Lợi nhuận sau thuế		66.031.964.578	65.750.288.367
	+ Tổng doanh thu		125.461.429.606	113.230.252.150
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
3.2.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	30,36%	34,32%
	- Lợi nhuận trước thuế		82.594.390.723	82.234.455.461
	- Tổng tài sản bình quân		272.023.489.682	239.584.889.562
	+ Tổng tài sản đầu kỳ		253.365.718.209	225.804.060.914
	+ Tổng tài sản cuối kỳ		290.681.261.154	253.365.718.209
3.2.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	24,27%	27,44%
	- Lợi nhuận sau thuế		66.031.964.578	65.750.288.367
	- Tổng tài sản bình quân		272.023.489.682	239.584.889.562
	+ Tổng tài sản đầu kỳ		253.365.718.209	225.804.060.914
	+ Tổng tài sản cuối kỳ		290.681.261.154	253.365.718.209
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu Bình quân	%	25,82%	28,71%
	- Lợi nhuận sau thuế		66.031.964.578	65.750.288.367
	- Tổng vốn chủ sở hữu bình quân		255.771.950.444	229.042.549.725
	+ Tổng vốn chủ sở hữu đầu kỳ		243.653.121.831	214.431.977.619
	+ Tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ		267.890.779.056	243.653.121.831

**6.6 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 đã được soát xét.

Người lập biểu



Lâm Thị Ngọc Châu

Kế toán trưởng



Trần Thị Song Giang

Tây Ninh, ngày 07 tháng 08 năm 2017



Giám đốc

Trần Trung Kiên



